TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN T** **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **636**/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 28-6-2018
V/v xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T, THÀNH PHỐ H

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Mỹ

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Nhung
2. Ông Thái Hoàn Xanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T, Thành phố H tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận T - Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 71/2018/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 92/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2015 và Quyết định hoãn phiên tòa số 64/2018/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1971; *(có mặt)*
Địa chỉ: số 11/12, đường Đ, phường T, quận T, Thành phố H.

- *Bị đơn:* Ông Võ Minh T, sinh năm 1970; *(vắng mặt)*
Địa chỉ: số 11/12, đường Đ, phường T, quận T, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/01/2018, trong bản tự khai và quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H trình bày:

Bà và ông Võ Minh T tự nguyện sống chung từ năm 1996, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 116, quyển số 01 ngày 26/10/1996 do Ủy ban nhân dân phường 11, quận 3, Thành phố H cấp.

Sau khi kết hôn, hai bên sống tại 11/12, đường Đ, phường T, quận T, Thành phố H.

Thời gian đầu chung sống, hai bên chung sống rất hạnh phúc, sau đó từ cuối năm 2013 tình cảm vợ chồng rạn nứt nhưng vì gia đình và con cái nên kéo dài cuộc sống. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do bất đồng quan điểm, lối sống

không còn phù hợp, vợ chồng không tìm thấy tiếng nói chung, thường xuyên cải vã về cách nuôi dạy con, chi tiêu tiền bạc trong gia đình. Mâu thuẫn kéo dài không thể giải quyết nên hai bên đã sống ly thân từ đó đến nay. Thời gian ly thân tuy sống chung nhà nhưng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mạnh ai nấy sống ông T cứ đi rồi về tuần có khi về 1 lần, hoặc 1 tháng về 1 lần. Đầu tháng 02/2018 đến nay ông T bỏ đi đâu không rõ. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng không thể giải quyết được, đời sống chung không thể kéo dài nên bà yêu cầu tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà và ông T có 02 con chung là Võ Thanh N, sinh 19/6/1998 và Võ Hà M, sinh ngày 12/09/2004 hiện đang sống cùng bà. Do đó bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H vẫn giữ ý kiến và yêu cầu như trong đơn khởi kiện.

- Bị đơn ông Võ Minh T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ giấy triệu tập và các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không đến Tòa án để làm việc, không có ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điệm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng quy định tại các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 48, Điều 68, Điều 69, Điều 171, Điều 173, Điều 203, Điều 220, Điều 227, Điều 248 và Điều 260 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị Thu H và ông Võ Minh T chung sống tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên quan hệ giữa bà H và ông T là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống giữa 2 người phát sinh mâu thuẫn, bà H yêu cầu ly hôn, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng ông T không có mặt chứng tỏ không tha thiết muốn hàn gắn hôn nhân. Bà H xác nhận hết tình cảm với ông T, muốn được ly hôn và có nguyện vọng được nuôi con chung. Căn cứ các Điều 56, Điều 57 và Điều 70 Luật Hôn nhân gia đình, yêu cầu của bà H là có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

Căn cứ Đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu H, Hội đồng xét xử xác định vụ án trên là tranh chấp về ly hôn. Do bị đơn ông Võ Minh T hiện đang cư trú tại quận T nên Tòa án nhân dân quận T thụ lý giải quyết là phù hợp theo quy định tại các khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn và bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo Điều 179; khoản 2 Điều 220; khoản 3 Điều 233 Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng ông T vắng mặt không lý do. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân quận T tiến hành xét xử vắng mặt ông Võ Minh T.

2. Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu H và ông Võ Minh T chung sống có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên quan hệ giữa Bà H và ông T là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa bà H và ông T đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do bất đồng quan điểm, lối sống không phù hợp, hai bên không tìm thấy tiếng nói chung, thường xuyên cải vã về cách nuôi dạy con, chi tiêu tiền bạc trong gia đình. Mâu thuẫn kéo dài không thể giải quyết nên hai bên đã sống ly thân từ 2013 đến nay. Thời gian ly thân tuy sống chung nhà nhưng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mạnh ai nấy sống. Sau khi bà H nộp đơn xin ly hôn, từ đầu tháng 02/2018 đến nay ông T bỏ đi đâu không rõ, cũng không đến Tòa thể hiện thái độ bỏ mặc quan hệ hôn nhân của mình, không thiết tha trong việc hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy mâu thuẫn xảy ra trong quan hệ vợ chồng giữa bà H và ông T là có thật, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2013 đến nay, không đảm bảo tình nghĩa vợ chồng theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình. Do vậy, mâu thuẫn hôn nhân giữa bà H và T là trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thế kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình là phù hợp.

- Về con chung: Bà H và ông T có 02 con chung là Võ Thanh N, sinh 19/6/1998 và Võ Hà M, sinh ngày 12/09/2004. Bà H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.Các con chung đều có nguyện vọng được sống với mẹ. Ông T không đến tòa làm việc để thể hiện nguyện vọng nuôi con. Do đó, việc bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con là có căn cứ để chấp nhận

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà H xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội bà H phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 179; khoản 2 Điều 220; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 3 Điều 233; Điều 273 và Điều 275 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 2 Điều 19; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 68; Điều 69; Điều 81; Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu H được ly hôn với ông Võ Minh T.

Quan hệ hôn nhân của bà Nguyễn Thị Thu H và ông Võ Minh T (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 116, quyển số 01 ngày 26/10/1996 do Ủy ban nhân dân phường 11, quận 3, Thành phố H cấp) chấm dứt kể từ ngày quyết định ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- Về quan hệ con chung: Có 02 con chung là 02 con chung là Võ Thanh N, sinh 19/6/1998 và Võ Hà M, sinh ngày 12/09/2004. Giao con chung là Võ Hà M, sinh ngày 12/09/2004 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với trẻ M cho ông T do bà H do không yêu cầu. Con chung là Võ Thanh Như đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét.

+ Ông T có quyền, nghĩa vụ, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con mà không ai được cản trở.

+ Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng do các bên tự thỏa thuận. Nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa giải quyết.

+ Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân (người thân thích), tổ chức (cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ) có thể xin thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà H xác nhận không có.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Thu H phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0010572 ngày 24/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T. Bà H đã nộp đủ.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyền kháng cáo:

Bà Nguyễn Thị Thu H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Võ Minh T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND Thành phố H;
- VKSND quận T;
- Chi cục THADS quận T;
- Ủy ban nhân dân phường 11, quận 3, Thành phố H.
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Ngọc Mỹ